

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo hướng dẫn soạn Ngữ Văn lớp 8 tập 2 VNEN được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

### **Hoạt động khởi động Bài 20: Ngắm trăng - Đi đường**

**Đọc phần giới thiệu tập thơ Nhật kí trong tù và nêu cảm nhận của em về 4 câu thơ đề từ của tập nhật kí:**

*Tháng 8 – 1942, Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) bí mật lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Khi đến thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phương bắt giữ, rồi bị giải tới giải lui gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, bị đày đọa cực khổ hơn một năm trời. Trong những ngày tháng đó, Người đã viết Nhật kí trong tù bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài, phần lớn là thơ tứ tuyệt. Ngoài bìa tập thơ, Người viết mấy câu đề từ:*

*Thân thể ở trong lao*

*Tinh thần ở ngoài lao;*

*Muốn nên sự nghiệp lớn,*

*Tinh thần phải càng cao.*

*Tuy Bác Hồ viết Nhật kí trong tù chỉ để “ngâm ngợi cho khuây” trong khi đợi tự do, tập thơ vẫn cho thấy rõ tâm hồn cao đẹp, ý chí cách mạng phi thường và tài năng thơ xuất sắc của Người. Có thể nói Nhật kí trong tù là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân tộc.*

### **Trả lời:**

Bài thơ đề từ cho thấy tâm hồn cao đẹp, ý chí cách mạng phi thường của Bác trong hoàn cảnh gian khổ. Nhật kí trong tù là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam. Cho dù không chủ định làm thơ để lưu truyền hậu thế, hay muốn mình trở thành một nghệ sĩ, nhưng những vần thơ trong tù của Hồ Chí Minh không chỉ là cách để người giải khuây, vượt qua đau khổ của chốn lao tù, mà còn thể hiện được tài năng thi sĩ của người.

**Hoạt động hình thành kiến thức Bài 20: Ngắm trăng - Đi đường****1. Đọc văn bản “Ngắm trăng”****2. Tìm hiểu văn bản**

- a. Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh đặc biệt như thế nào?
- b. Trong hai câu thơ đầu, tâm trạng của thi nhân trước cảnh đẹp đêm trăng được bộc lộ ra sao?
- c. Hình ảnh nhà thơ và vầng trăng có mối giao hòa như thế nào (chú ý sự sắp xếp vị trí các từ *nhân* và *thi gia*, *song*, *nguyệt* và *minh nguyệt* cũng như phép đối trong hai câu thơ)?
- d. Chỉ ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

**Trả lời:****a. Hoàn cảnh ngắm trăng thật đặc biệt của nhà thơ:**

+ Không rượu, không hoa >< rượu và hoa là những thứ không thể thiếu trong thú vọng nguyệt của người xưa.

+ Diễn ra trong cảnh lao tù chật chội, tù túng >< thú vui tao nhã ngắm trăng của người xưa phải ở nơi khoáng đạt, tâm hồn thư thái, an nhàn, thanh tĩnh.

- Trong tù không rượu cũng không hoa nhằm nói lên cảm giác thiếu thốn hoa của người tù, nhớ tới rượu và hoa là muốn thưởng thức trọn vẹn cái đẹp.

→ Người ngắm trăng trong hoàn cảnh đặc biệt: chốn ngục tù thiếu thốn, tối tăm.

**b. Trong hai câu thơ đầu, tâm trạng của thi nhân trước cảnh đẹp đêm trăng được bộc lộ rất sâu sắc: Trước cảnh trăng đẹp Người bồi hồi, xốn xang "Đối thử lương tiêu nại nhược hà?"**

+ Người yêu thiên nhiên say mê, rung cảm mãnh liệt trước vẻ đẹp của tạo hóa.

→ Tâm hồn người tù không bị vướng bận bởi những ách vật chất nặng nề, tâm hồn vẫn tự do, ung dung thưởng trăng đẹp.

+ Không chỉ là nhà cách mạng, chiến sĩ yêu nước mà Người còn là nghệ sĩ đích thực với những rung động của tâm hồn thi nhân nhạy cảm trước vẻ đẹp của tự nhiên.

c. Hình ảnh nhà thơ và vầng trăng có mối giao hòa đặc biệt. Điều đó được thể hiện qua hai câu thơ cuối với sự đối xứng về mặt nội dung và hình thức:

+ Chữ "song" (cửa sổ) ở giữa cặp từ nhân/ nguyệt- minh nguyệt/ thi gia: người tù vượt qua song sắt, qua sự kìm kẹp để hướng ra ngoài ngắm trăng.

+ Trăng cũng nhòm qua khe cửa ngắm nhà thơ: sự giao hòa giữa trăng với người, người và trăng.

+ Biện pháp nhân hóa: trăng trở thành người bạn tri âm tri kỷ từ rất lâu của người tù.

→ Cả người và trăng đều chủ động gặp gỡ tự do, vượt qua những rào cản cửa sắt nhà tù. Cuộc ngắm trăng này trở nên thi vị khi hai tâm hồn tri kỉ tìm đến với nhau: người- trăng.

d. Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: Bài thơ vừa mang màu sắc cổ điển, lại vừa mang tinh thần hiện đại.

+ Chất cổ điển được thể hiện ở đề tài (Vọng nguyệt), thi liệu (rượu, hoa, trăng), thể thơ tứ tuyệt, cấu trúc đối xứng (hai câu cuối).

+ Còn tinh thần, màu sắc hiện đại thể hiện ở tâm hồn lạc quan, luôn ngập tình yêu thiên nhiên, tình yêu cuộc sống và bản lĩnh phi thường luôn hướng về ánh sáng của người chiến sĩ cộng sản...

- Thể thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc.

### 3. Tìm hiểu về câu cảm thán

a. Gạch dưới câu cảm thán trong những đoạn trích sau:

(1) Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

(Nam Cao, Lão Hạc)

(2) Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mỗi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Thế Lữ , Nhớ rừng)

b. Khi viết đơn, biên bản, hợp đồng hay trình bày kết quả giải một bài toán,... có thể dùng câu cảm thán được không? Vì sao?

c. Câu cảm thán thường có những từ ngữ cảm thán nào? Câu cảm thán dùng để làm gì? Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu hiệu gì?

### **Trả lời:**

a. Gạch dưới câu cảm thán: Câu cảm thán:

(1) Hỡi ơi lão Hạc!

(2) Than ôi!

b. Khi viết đơn, biên bản, hợp đồng hay trình bày kết quả giải một bài toán,... ta không sử dụng câu cảm thán.

Vì ngôn ngữ trong các văn bản hành chính – công vụ nói chung và trong trình bày kết quả một bài toán là ngôn ngữ “duy lý”, ngôn ngữ của tư duy lô-gíc cần sự chính xác và khách quan, không được sử dụng những câu có yếu tố cảm xúc, tình cảm như tông văn bản nghệ thuật.

c. Câu cảm thán có từ ngữ cảm thán như ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, thay, biết hao, xiết bao, biết chừng nào...

Câu cảm thán dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (viết).

Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.

#### **4. Tìm hiểu về câu trần thuật**

Đọc các đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:

*a. Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, ... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

*b. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào, thở không ra hơi:*

*- Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi!*

(Phạm Duy Tốn, *Sóng chết mặc bay*)

*c. Cai Tứ là một người đàn ông thấp và gầy, tuổi độ bốn lăm, năm mươi. Mặt lão vuông nhưng hai má hóp lại.*

(Lan Khai, *Làm than*)

*d. Ôi Tào Khê! Nước Tào Khê làm đá mòn đáy! Nhưng dòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thủy của ta!*

(Nguyễn Hồng, *Một tuổi thơ vắng*)

(1) Gạch dưới những câu không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán.

(2) Những câu đó dùng để làm gì?

(3) Những dấu hiệu nào về hình thức giúp ta nhận biết câu trần thuật? Vì sao câu trần thuật được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp?

**Trả lời:**

(1) Trong các đoạn trích trên, ngoại trừ câu ‘Ôi Tào Khê!’ trong đoạn trích (d) mang đặc điểm hình thức của câu cảm thán, thì những câu còn lại đều là những câu không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán.

(2) Những câu trên dùng để:

Đoạn a: câu thứ nhất và câu thứ hai dùng để bày tỏ những suy nghĩ của người viết về truyền thống yêu nước của dân tộc; câu thứ ba nêu mong muốn, yêu cầu của người viết.

Đoạn b: câu thứ nhất dùng để kể, câu thứ hai để thông báo.

Đoạn c: cả hai câu dùng để miêu tả ngoại hình.

Đoạn d: câu thứ nhất là câu cảm thán, câu thứ hai dùng để nhận định, câu thứ ba dùng để bộc lộ tình cảm.

(3) Về dấu hiệu hình thức, câu trần thuật không có dấu hiệu hình thức đặc trưng như các kiểu câu cầu khiến, cảm thán.

Câu trần thuật được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp vì đây là kiểu câu cơ bản nhất và nó đảm nhận nhiều chức năng khác nhau như : kể, tả, yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm... dùng để thực hiện nhiều mục đích giao tiếp khác nhau của con người.

### ***Hoạt động luyện tập Bài 20: Ngắm trăng - Đi đường***

#### **1. Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:**

#### **ĐI ĐƯỜNG (Hồ Chí Minh)**

Yêu cầu:

a. Dựa vào kết cấu của bài thơ Đi đường (khai – thừa – chuyển – hợp), mối liên hệ lô – gic giữa các câu thơ và vị trí của câu thơ thứ ba, hãy hoàn thành bảng sau:

<b>Câu thơ</b>	<b>Nội dung chính</b>
Câu thứ nhất	
Câu thứ hai	
Câu thứ ba	
Câu thứ tư	

b. Nêu ý nghĩa khái quát của bài thơ.

#### **Trả lời:**

a. Hoàn thành bảng:

<b>Câu thơ</b>	<b>Nội dung chính</b>
Câu thứ nhất	Câu khai mở ra ý thơ: Có đi đường mới biết đường khó đi, ý thơ thấm thía từ sự trải nghiệm của người đang trên hành trình gian nan.

Câu thứ hai	Câu thừa mở rộng, triển khai, cụ thể hoá ý đã được mở ra ở câu khai: Hết lớp núi này lại tiếp lớp núi khác. Câu thơ khắc họa rõ nét những khó khăn gian khổ, những chông gai trên đường mà người tù phải trải qua
Câu thứ ba	Câu chuyển, chuyển ý, câu này rất quan trọng trong việc bộc lộ tứ thơ: Khi đã vượt hết các lớp núi lên đến đỉnh cao chót vót. Hàm ý của bài tứ tuyệt bộc lộ bất ngờ ở câu này.
Câu thứ tư	Câu hợp, quan hệ chặt chẽ với câu chuyển thành một cặp câu thể hiện rõ ý chuyển và thu tóm lại ý tứ của toàn bài : Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong tầm mắt.

b. Ý nghĩa khái quát của bài thơ:

Nếu như câu 2 tập trung vẽ ra cảnh núi non trùng điệp kéo dài bao la qua thủ pháp điệp ngữ thì câu 4 vẽ ra tư thế đỉnh đạc, đường hoàng cũng như tâm thế sáng khoái bay bổng của thi nhân. Dường như ta bắt gặp nhà thơ đang dang rộng bàn tay như muốn ôm cả non sông đất trời, đón nhận cảnh sắc thiên nhiên bao la, khoáng đạt trong niềm sung sướng của một con người vừa vượt qua một chặng đường đi vất vả. Hình tượng nhân vật trữ tình trong câu 4 vững chãi và kì vĩ giữa cái bao la của đất trời.

Song hai câu thơ không chỉ có ý nghĩa miêu tả mà còn là một bài học thấm thía, sâu sắc mà ngắn gọn về đường đời: nếu kiên trì, chịu khó vượt qua gian lao chông chát, nhất định sẽ tới thắng lợi về vang.

**2. Luyện tập về câu cảm thán**

a. Xác định câu cảm thán trong những đoạn trích sau và cho biết vì sao ta nhận biết được đó là câu cảm thán:

(1) *Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.*

(Phạm Duy Tồn, *Sóng chết mặc bay*)



(2) *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tỏ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi.*

(Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu ký*)

b. Những câu sau có thể xếp vào kiểu câu cảm thán được không? Vì sao? Nêu nội dung của mỗi câu.

(1) *Ai làm cho bể kia đầy*

*Cho ao kia cạn cho gầy cò con?*

(Chế Lan Viên, *Xuân*)

(3) *Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?*

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu kí*)

c. Đặt hai câu bộc lộ cảm xúc:

(1) Trước tình cảm của một người thân dành cho em.

(2) Khi em nhìn thấy mặt trời mọc.

d. Hệ thống hóa các đặc điểm về hình thức và chức năng của các kiểu câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán mẫu:

### **Đặc điểm Kiểu câu Hình thức Chức năng Ví dụ**

Nghi vấn

Cầu khiến

Cảm thán

**Trả lời:**

a. Xác định câu cảm thán:

(1) *Than ôi!; Lo thay!; Nguy thay!*

Dấu hiệu nhận biết: có chứa từ cảm thán : *ôi, thay* và kết thúc câu bằng dấu chấm than.

(2) *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tỏ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi.*

Dấu hiệu nhận biết: có chứa từ cảm thán: *ôi*.

b. Những câu trên dù mục đích đều để bộc lộ tình cảm, cảm xúc nhưng không thuộc kiểu câu cảm thán vì chúng không mang dấu hiệu hình thức của câu cảm thán.

Nội dung của mỗi câu:

(1) Lời than thân của người nông dân xưa.

(2) Tâm trạng buồn rầu, bẽ tắc của người thi sĩ trước cuộc sống

(3) Sự ân hận của Đế Mèn sau khi trót gây ra cái chết của Đế Choắt.

c. Đặt hai câu bộc lộ cảm xúc:

(1) Trước tình cảm của một người thân dành cho em: Con rất bất ngờ khi bố mẹ vẫn nhớ và tổ chức sinh nhật cho con vui đến vậy!

(2) Khi em nhìn thấy mặt trời mọc: Chao ôi, mặt trời lên đẹp quá!

d. Hệ thống hóa các đặc điểm về hình thức và chức năng của các kiểu câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán:

<b>Đặc điểm Kiểu câu</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Chức năng</b>	<b>Ví dụ</b>

Nghi vấn	Thường có những từ nghi vấn (đại từ nghi vấn: ai, gì, nào, (tại) sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu,...; tình thái từ nghi vấn: à, ư, hả, chứ,...) hoặc có từ hay, hay là, hoặc, hoặc là (trong câu nói các vế có quan hệ lựa chọn). Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm.	Chức năng chính là dùng để hỏi. Trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn được dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, biểu lộ t/c, cảm xúc,...và không yêu cầu người đối thoại trả lời.	- Cậu đã làm bài tập chưa? - Chiều nay lớp mình học Văn hay học Toán?
Cầu khiến	Có những từ cầu khiến như hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,... hay ngữ điệu cầu khiến. Thường kết thúc bằng dấu chấm than.	Được dùng để ra lệnh, đề nghị, yêu cầu, khuyên bảo.	- Ăn đi nào! - Đừng mở cửa!
Cảm thán	Có từ ngữ cảm thán như ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào... Thường kết thúc bằng dấu chấm than.	Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (viết).	- Ôi giờ ơi! Sao thân tôi lại khổ thế này! - Thật vui thay!

### 3. Luyện tập về câu trần thuật

a. Xác định kiểu câu và chức năng của những câu sau đây:

(1) *Thế rồi Đế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.*

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu kí*)

(2) *Mã Lương nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, em sung sướng lên:*

- *Cây bút đẹp quá! Cháu cảm ơn ông! Cảm ơn ông!*

(Cây bút thần)

b. Những câu sau đây thuộc kiểu câu nào và được sử dụng để làm gì? Hãy nhận xét về sự khác biệt về ý nghĩa giữa chúng?

(1) *Anh tắt thuốc lá đi!*

(2) *Anh có thể tắt thuốc lá được không?*

(3) *Xin lỗi, ở đây không được hút thuốc lá.*

c. Đặt câu trần thuật để thể hiện lời hứa hẹn, xin lỗi, chúc mừng, cảm ơn, cam đoan.

d. Viết đoạn văn giới thiệu về một bài thơ của Bác Hồ. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 trong 4 kiểu câu đã học (trần thuật, cảm thán, nghi vấn, cầu khiến).

**Trả lời:**

a. Xác định kiểu câu và chức năng

(1) Cả ba câu đều thuộc kiểu câu trần thuật.

Chức năng:

Câu thứ nhất dùng để kể. hai câu tiếp theo dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Đế Mèn trước cái chết của Đế Choắt.

(2) Câu thứ nhất là câu trần thuật – Chức năng: kể

Câu thứ hai là câu cảm thán – bộc lộ cảm xúc

Hai câu tiếp là câu trần thuật – bộc lộ sự biết ơn của Mã Lương.

b. Câu (1) là câu cầu khiến.

Câu (2) là câu nghi vấn.

Câu (3) là câu trần thuật.

Mục đích của cả ba câu dùng để cầu khiến, tuy nhiên, mức độ, sắc thái cầu khiến ở ba câu khác nhau (hai câu sau có ý cầu khiến nhẹ nhàng và lịch sự hơn câu đầu).

c. Đặt câu:

Hứa hẹn: Em hứa từ nay sẽ không đi học muộn nữa.

Xin lỗi: Em chân thành xin lỗi cô.

Chúc mừng : Em chúc cô có một ngày Phụ nữ Việt Nam vui vẻ.

Cảm ơn: Mình cảm ơn món quà của cậu nhé.

Cam đoan: Tôi xin cam đoan những điều tôi nói trên đây là đúng.

d. Viết đoạn văn

"Đi đường" là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt số 30 trong "Nhật kí trong tù". Lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giải lui giải tới qua nhiều nhà tù trên tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. [Phải chăng, trải qua bao cay đắng thử thách nặng nề, Người gửi gắm bao suy nghĩ, cảm xúc của mình vào bài thơ "Tẩu lộ" này?](#) (Câu nghi vấn) Bài thơ "Đi đường" cho ta bài học về đường đời nhiều khó khăn nguy hiểm, bài học về quyết tâm, vượt khó, vươn lên giành thắng lợi trên con đường đời. Mỗi cuộc đời là một trăm năm, ai cũng phải một trăm năm đi đường. Có con đường lao động mưu sinh, có con đường công danh lập nghiệp. Tuổi trẻ còn có con đường học tập. [Bài thơ "Đi đường" trở thành hành trang cho mỗi chúng ta sức mạnh để vươn lên thực hiện ước mơ của mình.](#) (Câu trần thuật)

***Hoạt động vận dụng Bài 20: Ngắm trăng - Đi đường***

**Viết bài tập làm văn số 5 – Văn thuyết minh (làm tại lớp).**

Học sinh lựa chọn một trong những đề bài sau để viết bài văn thuyết minh:

a. Thuyết minh về một văn bản, một thể loại văn học mà em đã học.

b. Giới thiệu về một loài hoa hay một loài cây mà em yêu thích.

c. Thuyết minh về một giống vật nuôi mà em yêu thích.

d. Giới thiệu về một người bạn nước ngoài về một sản phẩm, một trò chơi dân gian mang bản sắc Việt Nam.

**Trả lời:**

Học sinh có thể tham khảo bài văn mẫu và dàn ý sau đây:

**a. Dàn ý mẫu: Thuyết minh về một thể loại văn học**

Theo dòng lịch sử của văn học, ta thấy ban đầu khi đi làm thơ, người ta không theo luật lệ nhất định, mỗi người tự tìm lấy cho mình một quy tắc. Tuy nhiên, dần dần, với thơ, con người có ý thức hệ thống thành những quy luật. Vào cuối thời nhà Đường ở Trung Quốc, người ta đã xác lập quy định về thơ một cách rõ ràng, gọi là thơ Đường. Trong thơ luật Đường, một thể thơ phổ biến nhất và cơ bản nhất chính là thể thơ thất ngôn bát cú.

Thơ Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể là một thể thơ cách luật được đặt ra từ thời Đường ở Trung Quốc và thể thơ thất ngôn bát cú là một tiểu loại. Đây là một thể thơ ngay từ tên gọi cũng giúp chúng ta dễ dàng nhận thấy một đặc điểm đó chính là thể thơ này sẽ gồm câu 8 câu, mỗi câu 7 chữ.

Bố cục một bài được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú sẽ thường gồm bốn phần: đề - thực - luận - kết, mỗi phần bao gồm hai câu. Hai câu đầu được gọi là hai câu đề, có câu phá đề và câu thừa đề. Câu phá đề có nhiệm vụ mở đầu cho bài thơ còn câu thừa đề sẽ dùng để chuyển tiếp ý từ câu mở đầu cho tới phần nội dung của bài thơ. Phần thực sẽ bao gồm hai câu thứ ba và thứ tư, nội dung phần này sẽ tập trung làm rõ ý của đề bài. Tiếp đến là phần luận gồm hai câu năm và sáu, nội dung phần luận là phát triển mở rộng ý của đề bài. Phần kết gồm hai câu cuối nhằm mục đích kết lại ý của toàn bài đem lại cho bài thơ một bố cục hoàn thiện đối xứng.

Về luật bằng trắc, mỗi bài thơ Đường sẽ được làm theo vần bằng hoặc vần chẵn. Luật này sẽ căn cứ vào thanh của chữ thứ hai câu thứ nhất. Nếu chữ thứ hai câu thứ nhất có thanh bằng thì bài thơ sẽ được làm theo luật bằng (Thiếu nữ ngũ ngày, Tự tình 1,2 – Hồ Xuân Hương,...) còn nếu chữ thứ hai câu thứ nhất là thanh chẵn thì bài thơ sẽ làm theo luật chẵn (Qua đèo Ngang,...). Trong mỗi câu thơ, các cặp bằng trắc này sẽ lượt thay phiên nhau. Đối với cách gieo vần, thể thơ

thất ngôn bát cú nói riêng và thơ Đường luật nói chung thì chỉ gieo vần bằng và treo ở cuối câu 1 2 4 6 8.

Đây là một thể thơ rất cân trọng trong đối. Trong thơ Đường, đối là đặt các câu sóng đôi với nhau cho lời bài ý cân xứng. Ở thể thơ thất ngôn bát cú, đối sẽ thường là câu 3 - 4 đối nhau và câu 5 - 6 đối nhau.

Là một thể thuộc thơ Đường nên những bài thơ được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú sẽ có niêm. Niêm là sự kết dính giữa các câu thơ với nhau, đem lại cho bài thơ một sự liên kết đã thống nhất hoàn chỉnh. Hai dòng thơ sẽ gọi là niêm với nhau nếu như chữ thứ hai của hai dòng thơ cùng theo một luật, tức cùng có thanh bằng hoặc của thanh trắc. Trong thơ thất ngôn bát cú đường luật, dòng 1 sẽ niêm với dòng 8, dòng 2 sẽ niêm với dòng 7, dòng 3 sẽ niêm với dòng 6, dòng 4 sẽ niêm với dòng 5. Trong cùng một bài thơ, nếu như các cặp câu này này không niêm với nhau thì sẽ gọi là thất niêm, tức mất sự kết dính giữa các câu thơ.

Có thể nói, thất ngôn bát cú theo đúng như đặc điểm của thơ Đường có những quy tắc sách ngắt nghèo về bố cục, niêm, luật... Trong thực tế sáng tác sẽ rất khó để một bài thơ đạt được sự cân chỉnh hoàn hảo tuyệt đối như vậy nên nhiều nhà thơ đã phá cách thơ Đường, xóa bỏ hay thay đổi một số yếu tố. Chính điều này không những không làm mất giá trị của bài thơ mà ngược lại làm cho bài thơ có sự sáng tạo độc đáo và biểu thị những những suy nghĩ riêng của mỗi tác giả.

Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật nói riêng và thơ Đường luật nói chung không phải chỉ là thanh tự riêng của thơ ca Trung Quốc mà còn là một thành tựu tiêu biểu của thơ ca nhân loại. Chúng ta cần thiết phải trân trọng giá trị của những thể loại văn học này.

#### b. Dàn ý mẫu: **Thuyết minh về loài hoa mà em yêu thích**

Việt Nam là một đất nước phong phú về cây cối và hoa trái. Có những loài hoa mang vẻ đẹp sang trọng kiêu sa thu hút con người như hoa hồng, có những loại hoa thu hút con người bởi màu sắc rực rỡ như hoa oải hương hay tulip. Tuy nhiên, cũng có những loại hoa khiến con người chú ý bởi sự giản dị thuần khiết, đó chính là hoa nhài.

Hoa nhài thường được biết đến là một loài hoa với tên gọi khác là hoa lài. Đây là một loài thực vật mọc nhiều ở khu vực Đông Nam Á và Nam Á. Cây hoa sinh trưởng tốt ở khu vực nhiệt đới

và cận nhiệt đới. Đây là một loài hoa bụi nhỏ, cây có thể có độ cao khác nhau khi trồng ở những vùng đất khác nhau nhưng thông thường chiều cao của hoa nhài ngày sẽ là từ khoảng 0,5 cho tới 2,5 m. Thân cây thường nhỏ và có nhiều cành mọc ra xung quanh. Lá nhài hình bầu dục và bóng cả hai mặt, ở giữa lá nhài có một gân chính và có các gân phụ mọc ra xung quanh, mặt dưới của lá ngày có lông. Quả nhài có màu đen, hình cầu. Nhài là một loài cây được trồng để lấy hoa. Hoa nhài giản dị và thường có màu trắng trong thuần khiết. Tuy nhiên người ta cũng có thể tìm thấy những hoa nhài có màu ửng hồng hay màu vàng dù những màu sắc này ít phổ biến hơn. Nhài khi thành nụ rất giống ở nụ hoa bưởi, các cánh hoa nhỏ nhỏ chỉ bằng đốt trên của ngón tay út cúp vào nhau e ấp. Đến khi hoa nở, những cánh hoa bung tỏa ra khiến hoa hoa có hình tròn rất đẹp. Đa phần các loài hoa nhài có hương thơm nồng nàn nhưng cũng có một số loài hoa không có hương thơm.

Nhài là một loài hoa đem lại công dụng rất lớn đối với đời sống tinh thần và sức khỏe của con người. Hoa nhài có mùi thơm rất đem lại cảm giác ưa thích nên được dùng để điều chế mùi hương trong sản xuất nước hoa hay xà phòng. Đặc biệt hơn, nhài được phơi khô để ướp trà, chung cất trà bởi hương vị thanh mát. Hoa nhài còn được sử dụng để làm tinh dầu phòng ngủ đem lại cảm giác dễ chịu cho con người xua tan những mệt mỏi và giảm stress. Thân nhài có giá trị về mặt y học, đó là được sử dụng trong việc chữa các loại bệnh liên quan đến ra mắt. Lá nhài được sử dụng để điều chế thuốc chữa các khối u.

Không phải chỉ mang giá trị thực tế mà hoa nhài còn mang rất nhiều những ý nghĩa thiêng liêng. Nhài luôn được biết đến là một loài hoa gắn liền với tình yêu và tượng trưng cho sự say đắm. Trong văn hóa, đây cũng là một loài hoa biểu trưng cho sự may mắn của mỗi con người. Tại các lễ nghi tôn giáo, hoa nhài rất được ưa chuộng và sử dụng bởi nó gắn liền với sự thanh khiết và trong sáng. Có lẽ về chính bởi những ý nghĩa cao quý ấy mà nhài được chọn làm quốc hoa cho đất nước Pakistan. Đặc biệt, với sự trong trắng của mình, loài hoa này được sử dụng rất nhiều trong các lễ cưới, bởi đó là một nghi lễ thiêng liêng. Tại Thái Lan, loài hoa này còn mang một ý nghĩa tượng trưng cao đẹp hơn nữa, đó chính là biểu trưng cho tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ.

Có thể nói, nhài là một loài hoa có kỹ thuật chăm sóc đơn giản và dễ dàng nhất trong tất cả các loài hoa. Đây là một loại cây không ưa ánh sáng quá nhiều thích hợp trồng trong những môi trường có bóng râm. Nhài cũng là một loài cây không ưa thích nhiệt độ cao, nhiệt độ thích hợp



nhất cho nhà sinh trưởng đó là từ 20 tới 35 độ C. Vì nhà không ưa ẩm nên chúng ta không cần phải tưới quá nhiều nước cho cây, chỉ cần giữ đất ẩm vào thời kỳ cây đang sinh trưởng. Cây có thể quanh năm, nên trồng bằng cành chưa ra rễ hoặc trồng bằng bầu cây. Khi cây đã bén rễ thì nên bón phân để cho cây phát triển một cách tốt nhất. Loài hoa này thường xuyên có bệnh sâu đục lá hay nhện đỏ, vì vậy khi trồng cần phải chú ý để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

Không mang màu sắc rực rỡ, không mang vẻ đẹp kiêu hãnh và sang trọng nhưng nhài vẫn cuốn hút mỗi con người ở sự thuần khiết và bà hương thơm nồng nàn. Nhài, với những ý nghĩa tượng trưng cao đẹp của nó sẽ luôn luôn là loài hoa được ưa thích không phải chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều đất nước trên thế giới.

### c. Dàn ý mẫu: **Thuyết minh về giống vật nuôi**

Trong cuộc sống của mỗi gia đình thuần Việt không thể thiếu những loài vật nuôi. Đó không phải đơn thuần chỉ là những loài nuôi nhằm lấy nguồn thức ăn mà ngoài ra đó còn như những người bạn tâm tình cùng với người nông dân mỗi khi rảnh rỗi. Một trong số những loài vật nuôi quen thuộc của người dân Việt Nam đó chính là gà.

Gà hay còn được gọi với cái tên khác là “gà nhà” hay “kê” là một loài chim đã được con người thuần hóa cách đây khoảng hàng nghìn năm. Nguồn gốc của loài gà bắt đầu từ loài chim hoang dã Ấn Độ. Tại Việt Nam, gà bao gồm rất nhiều loại: gà Đông Cảo, gà đồi, gà tre, gà gô,... Đặc điểm ngoại hình của các loại gà khác nhau sẽ không giống nhau. Các loại gà thông thường sẽ có thân hình tương đối còn gà tre thì có thân hình nhỏ hơn. Về giới tính, gà được chia ra làm hai loại là gà trống và gà mái. Gà trống có thân hình vạm vỡ, một con gà trống trưởng thành có thể nặng từ khoảng 3 tới 3,5 kg. Gà trống có mào đỏ và to. Vì còn có nhiệm vụ thu hút bạn tình nên gà trống sẽ thường có những bộ lông rực rỡ và nhiều màu sắc hơn với lông đuôi dài và có thể xòe ra, chân gà trống có cựa trông rất oai vệ. Ngược lại, gà mái có trọng lượng nhỏ hơn, một gà mái trưởng thành có trọng lượng khoảng từ 2 tới 3 kg. Gà mái có bộ lông mượt mà, không quá sặc sỡ với lông đuôi ngắn, gà không có mào, chân cũng không có cựa. Tuổi thọ trung bình của gà có thể lên đến 5 hoặc 15 tùy từng giống.

Gà có tập tính sinh trưởng là thường sống thành đàn. Vì là động vật ăn tạp, nên thức ăn của chúng rất đa dạng, thường là thóc hay các loại côn trùng. Khi tìm thức ăn, chúng sẽ dùng móng bới đất và dùng mỏ mổ thức ăn khi tìm thấy. Gà là loài động vật đẻ trứng. Trứng gà hình bầu dục

nhỏ, vỏ thường có màu hơi vàng. Trứng gà nếu như được cấp trong khoảng vài tuần ăn sẽ nở ra gà con. Những chú gà con sau khi nở ra sẽ theo mẹ đi kiếm mồi rồi sẽ tách mẹ khi đủ lớn và đủ sức bảo vệ mình.

Gà là loài động vật có vai trò rất lớn đối với đời sống của mỗi con người. Gà trống có nhiệm vụ như chiếc đồng hồ báo thức vào buổi sớm, báo hiệu cho những người nông dân đi làm đồng. Gà cung cấp nguồn trứng cho con người, đây là nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng. Ngoài ra, người ta còn nuôi gà để lấy thịt, thịt gà rất chắc và thơm, là món ăn ưa thích của nhiều người. Thịt và trứng cũng có thể xuất khẩu đem lại nguồn giá trị kinh tế cao. Gà được nuôi không phải chỉ để lấy thịt và trứng, người ta còn nuôi gà để làm cảnh hay để phục vụ chú chơi như đá gà,...

Gà còn là loài vật mang nhiều giá trị về lịch sử và văn hóa. Gà gắn chặt với tín ngưỡng thờ cúng tôn giáo, được coi là một trong 12 con giáp và còn trở thành một vật thờ cúng linh thiêng thường có trong những mâm cỗ thờ tổ tiên ông bà. Chân gà còn được sử dụng để bói toán tương lai. Gà trở thành nguồn cảm hứng rất bình dị và dân dã đi vào nhiều những bức tranh Đông Hồ,... Lông gà còn được sử dụng để làm cầu, đây là một thú chơi dân gian của các bạn nhỏ,....

Gà là một loại động vật dễ chăn nuôi, Chỉ cần có một không gian tương đối vừa đủ làm chuồng cho gà nghỉ mỗi lúc tối trời, hàng ngày quăng cho gà nắm thóc là đã có thể nuôi được. Tuy nhiên, đối với những người có mục đích nuôi gà với quy mô lớn để phục vụ xuất khẩu thì cần phải xây dựng các trang thiết bị đảm bảo cũng như chủ động phòng ngừa những bệnh gà dễ mắc như cúm gia cầm, tả, thương hàn,...

Gà là một trong số những gia cầm có vị trí quan trọng trong đời sống của mỗi con người. Tiếng gà gáy mỗi sớm mai đã trở nên quen thuộc với làng quê Việt Nam, mỗi người cần yêu quý và trân trọng lời vật hữu ích này.

#### d. Dàn ý mẫu: **Thuyết minh về món đồ chơi tuổi thơ mà em yêu thích**

Sẽ thật tuyệt vời nếu như tuổi thơ của mỗi chúng ta được gắn bó với những trò chơi dân gian như bịt mắt bắt dê, rồng rắn lên mây, trốn tìm, thả diều... Đặc biệt, mỗi cánh diều tuổi thơ mãi là những kỉ niệm mà chúng ta không thể nào quên được, đó cũng là món đồ chơi yêu thích của biết bao người khi còn thơ ấu.

Trò chơi dân gian thả diều có xuất xứ tại Trung Quốc từ hàng ngàn năm trước (khoảng 2800 năm trước), du nhập đến nước ta và được nhiều người đón nhận. Với mỗi đứa trẻ Việt Nam, hình ảnh những cánh diều cao vút trên cánh đồng mênh mông bát ngát đã rất đỗi quen thuộc.

Diều là một món đồ chơi được làm từ nhiều chất liệu khác nhau. Đầu tiên là áo diều, áo diều có thể làm bằng giấy, vải hoặc nilon. Trẻ con ở các vùng quê trước đây thường dùng giấy bàn, có khi là giấy của những quyển sách cũ gỡ ra làm áo diều. Đây là loại diều đơn giản dễ làm nhất. Ngày nay chất liệu bằng nilon được sử dụng nhiều bởi có nhiều màu sắc, kiểu dáng và sử dụng lâu dài. Tiếp theo là khung diều, bộ phận này thường được làm bằng nan tre bởi nan tre mềm dẻo uốn và tạo kiểu. Dây thả diều bằng chỉ, bằng gai dùng cho các diều nhỏ bằng dây may, dây thừng nhỏ và sau này có cả dây thép nữa để dành cho các loại diều lớn. Hình dáng của diều cũng rất phong phú đa dạng, có loại hình hộp, hình vuông, hình tròn, hình chim, hình người.... Muốn có một chiếc diều tốt do chính tay mình làm, ta cần có tre, tre phải là tre tươi, dẻo, cứng và có độ căng cần thiết. Cánh diều có hình cong, cách làm diều nhìn thì có vẻ dễ nhưng khi bắt tay vào thực hiện đòi hỏi sự khéo léo mới cho ra con diều đẹp và đúng cách.

Nếu như để làm được ra con diều tốt đòi hỏi sự khéo léo thì khi chơi diều cũng đòi hỏi người chơi càng phải khéo léo, tính toán tỉ mỉ hơn. Ở miền Bắc, các em chơi diều bắt đầu từ mùa hè và vào tầm chiều tối khi cái nắng gay gắt, chói bóng của ban ngày nhường chỗ cho những cơn gió mát rượi, bầu trời mùa hè cao và xanh là thời điểm thích hợp cho những cánh diều bay lượn. Thả diều cần chọn những địa điểm rộng và thoáng như cánh đồng hoặc khoảng không rộng không vướng vật cản. Khi chơi người thả diều sẽ dựa vào sức gió để đưa diều lên cao bằng sợi dây dài. Trường hợp thả diều ở một nơi có nhiều gió, có thể chỉ cần đứng tại chỗ và giật dây diều khiến cánh diều từ từ bay lên cao. Trường hợp trời đứng gió, lúc này cần cầm dây và chạy thật nhanh cho diều đạt được độ cao nhất định đủ để đón những cơn gió ở tầng cao, khi đó diều sẽ có thể tiếp tục bay lên. Trẻ em ham chơi thường chọn cách chạy thật nhanh để đưa diều lên cao dù cho trời đang nắng gắt. Những người từng trải luôn biết cách chờ đợi những cơn gió lúc chiều tà. Thả diều nơi đồng vắng thì ung dung tự tại nhưng hơi buồn tẻ, thả diều ở nơi có nhiều người cùng thả thì có sự cạnh tranh nhưng lo ngại bị vướng dây. Diều giấy thì thả ở đồng quê, diều to nghệ thuật thì thả ngoài biển lớn. Nhưng dù chọn cách chơi nào với loại diều nào thì chơi diều vẫn là một thú vui của tuổi thơ.

Diều là một món đồ chơi dân gian gắn bó với tuổi thơ có từ lâu đời và mang nhiều ý nghĩa. Chiếc diều không chỉ thể hiện sự khéo léo, tâm mĩ của người làm mà còn thể hiện sự chăm chỉ kiên nhẫn của họ. Bởi không phải ai cũng làm ra được diều. Có thể bất cứ đứa trẻ nào cũng làm được một chiếc chong chóng hay vót ra được những chiếc đũa chơi chuyền nhưng không phải đứa trẻ nào cũng tự làm cho mình được chiếc diều. Đối với việc thả diều, người xưa cho rằng thả diều có thể xua đuổi tà khí và những điều rủi ro, xúi quẩy. Họ ghi hết tên những loại bệnh dịch nguy hiểm lên trên thân diều, sau khi đã thả cho diều bay thật cao sẽ dùng kéo cắt đứt dây. Họ muốn nhờ gió đưa diều đến chân trời góc biển và đem theo những loại bệnh dịch này cách xa con người, tránh cho con cháu của họ thoát khỏi bệnh tật... Còn ngày nay thả diều là một thú chơi đem lại niềm vui, tiếng cười sự giải trí cho các bạn nhỏ sau một ngày học tập.

Xã hội sẽ ngày càng phát triển và sẽ hiện xuất hiện nhiều trò chơi, các món đồ chơi hấp dẫn hơn nhưng những cánh diều sẽ mãi là những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ theo dấu chân của nhiều thế hệ hôm nay và mai sau.

***Hoạt động tìm tòi mở rộng Bài 20: Ngắm trăng - Đi đường***

**Sưu tầm thêm một số bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên của Bác Hồ.**